

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng  
đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Thông tư số 34/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung 10 Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2024.

*Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Phát triển*

doanh nghiệp nhỏ và vừa<sup>1</sup>.

## Mục 1

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Quỹ).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động của Quỹ làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.
2. Người quản lý của Quỹ, gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc.
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

---

<sup>1</sup> Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung 10 Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2024 có căn cứ ban hành như sau:

*Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quan hệ lao động và Tiền lương;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung 10 Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.*



## Mục 2

# QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### **Điều 3. Quản lý lao động**

Quỹ thực hiện quản lý lao động theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH).

### **Điều 4. Thang lương, bảng lương, phụ cấp lương<sup>2</sup>**

Quỹ xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương đối với người lao động theo quy định tại Điều 9a Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH đã được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH).

### **Điều 5. Quỹ tiền lương kế hoạch, tạm ứng tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương, tiền thưởng**

1. Quỹ xác định quỹ tiền lương kế hoạch, tạm ứng tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện để tính quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, Quỹ xác định chỉ tiêu tính năng suất lao động và lợi nhuận như sau:

---

<sup>2</sup> Điều này được sửa đổi tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2024.

a) Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân (kế hoạch, thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương.

b) Chỉ tiêu lợi nhuận (kế hoạch, thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được thay bằng chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí.

Chỉ tiêu tổng doanh thu và tổng chi phí quy định tại điểm a, điểm b Khoản này được xác định theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Nghị định số 39/2019/NĐ-CP).

### **Điều 6. Loại trừ các yếu tố khách quan khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động**

Khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, Quỹ loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

## **Mục 3**

### **QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ**

#### **Điều 7. Xếp lương đối với người quản lý**

1. Người quản lý Quỹ được xếp lương, nâng bậc lương, chuyển xếp lương khi hạng của Quỹ thay đổi theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH).

2. Tiêu chuẩn xếp hạng đối với Quỹ thực hiện theo tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm Công ty tài chính (Tiêu chuẩn số 56, Công ty tài chính) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước cho đến khi Chính phủ có quy định chế độ tiền lương mới áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

#### **Điều 8. Xác định quỹ tiền lương, thù lao, trả lương, tiền thưởng đối với người quản lý**

1.<sup>3</sup> Việc xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện; trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 và khoản 3 Điều 17, Điều 18, Điều 19, các khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 và khoản 14 Điều 2 Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH.

2. Khi xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Quỹ xác định chỉ tiêu năng suất lao động bình quân và lợi nhuận theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này, trong đó:

Trường hợp Quỹ bảo đảm đủ các điều kiện; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách và trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định; năng suất lao động bình quân không giảm và tổng doanh thu trừ tổng chi phí cao hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý được xác định như sau:

$$TL_{bqkh} = TL_{cb} + TL_{cb} \times H_{ln}$$

*Trong đó :*

- $TL_{bqkh}$ : Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý.
- $TL_{cb}$ : Mức lương cơ bản của người quản lý được xác định theo Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.
- $H_{ln}$ : Hệ số lương tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí như sau: mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí dưới 50 tỷ đồng thì  $H_{ln}$  được tính tối đa bằng 0,3; mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng thì  $H_{ln}$  được tính tối đa bằng 0,5; mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí từ 100 tỷ đồng đến dưới 150 tỷ đồng thì  $H_{ln}$  được tính tối đa bằng 0,7; mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí từ 150 tỷ đồng trở lên thì  $H_{ln}$  được tính tối đa bằng 1,0.

3.<sup>4</sup> Khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, Quỹ loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 2

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2024.

<sup>4</sup> Khoản này được sửa đổi tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2024.

Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH và khoản 3 Điều 55 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP.

#### Mục 4

### TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH<sup>5</sup>

#### Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Hội đồng thành viên Quỹ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 18, Khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Điều 20, Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH. Khi gửi các báo cáo tiền lương, tiền thưởng cho cơ quan đại diện chủ sở hữu thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra và giám sát.

3. Kiểm soát viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 19 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Điều 21 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 20 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8 Điều 22 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH. Khi gửi ý kiến cho Quỹ về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng hàng năm thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra và giám sát.

#### Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020. Các

<sup>5</sup> Điều 11 của Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2024 quy định như sau:

**“Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2024.

2. Các chế độ về quỹ tiền lương, trả lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 3, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 và khoản 3 Điều 6, khoản 2 và khoản 3 Điều 7, khoản 1 và khoản 2 Điều 8, khoản 1 và khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

3. Các quy định về xây dựng thang lương, bảng lương, xếp lương tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 và khoản 3 Điều 2, khoản 1 và khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 và khoản 2 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Thông tư này được thực hiện từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

4. Các nội dung quy định tại các Thông tư nêu tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này đang viện dẫn theo quy định tại Mục 2, Điều 9, Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Mục 2, Điều 11, Điều 13, Điều 20, Điều 22 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH thì được viện dẫn theo các nội dung tương ứng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH.

5. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.”

chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

2. Thông tư số 38/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: **468** /VBHN-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **10** tháng **02** năm **2025**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐTCP (để đăng tải);
- Trung tâm công nghệ thông tin, BLĐTBXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, CQHLĐTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Văn Thanh**